

BẢN TIN HÀNG NGÀY

24 tháng 4 năm 2026



VIC VHM giảm, Vn-Index giảm

- Vn-Index đi ngang quanh tham chiếu trong phiên sáng, nhưng đã giảm điểm trong phiên chiều
- 4 mã nhà VIN đều giảm, đóng góp 11.3 điểm vào chiều giảm
- 3 mã NHNN là VCB BID CTG cũng giảm khá mạnh
- 1 số ít nhóm tăng nhẹ như bất động sản và dầu khí
- Số mã giảm gấp 1.4 lần số mã tăng, đa phần các nhóm ngành giảm điểm như chứng khoán, ngân hàng và bán lẻ
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 35.9% so với ngày trước đó

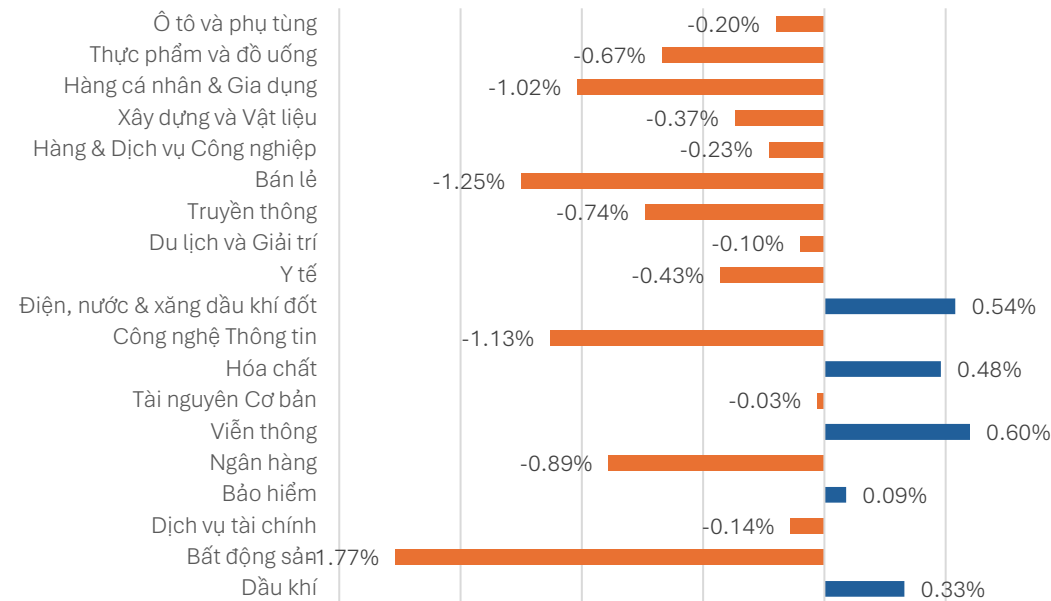


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,853.3	252.0	127.5
(+/-)	-17.07	-1.28	-0.77
(%)	-0.91%	-0.51%	-0.60%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	674	75	46
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	19,348	1,276	516
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(1,935)	(2)	0
Số mã tăng	135	72	138
Số mã giảm	188	80	130
Số mã giá không đổi	55	56	112

1.

Nhận định thị trường

- Trong tuần sau, thị trường sẽ chỉ giao dịch 2 ngày trước kỳ nghỉ lễ. Theo quan sát của chúng tôi, Vn-Index thường giảm điểm trong khoảng 1 tuần trước kỳ lễ do tâm lý nhà đầu tư thường muốn bán trước lễ; và chỉ tăng trong khoảng 2 ngày trước khi nghỉ lễ chính thức diễn ra do đa phần nhà đầu tư đã bán xong.
- Hôm nay, nhóm bất động sản giảm trong phiên sáng và đã hồi phục trong phiên chiều. Bất động sản là nhóm thu hút lượng lớn nhà đầu tư, nên đã bắt đầu phát tín hiệu dòng tiền quay trở lại
- Áp lực bán đã rất thấp, thanh khoản giảm sâu. Trong 2 tuần qua, VIC VHM đẩy chỉ số tạo cảm tâm lý khó chịu, nhưng nhìn kỹ lại, đa phần cổ phiếu vẫn chỉ là đi ngang hoặc giảm nhẹ không đáng kể, bản chất là đang tích lũy tích cực
- Nhà đầu tư tiếp tục mua vào, chờ đợi bùng nổ
- Nhóm cổ phiếu ưu tiên vẫn là bất động sản, thép, chứng khoán và ngân hàng.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	19.15	1.78
2	Nguyên vật liệu	16.75	1.67
3	Công nghiệp	13.70	1.89
4	Hàng Tiêu dùng	15.35	2.45
5	Dược phẩm và Y tế	15.84	1.62
6	Dịch vụ Tiêu dùng	22.58	3.82
7	Viễn thông	26.40	6.39
8	Tiện ích Cộng đồng	13.20	1.77
9	Tài chính	23.91	3.01
10	Ngân hàng	9.48	1.56
11	Công nghệ Thông tin	13.55	2.84

2.

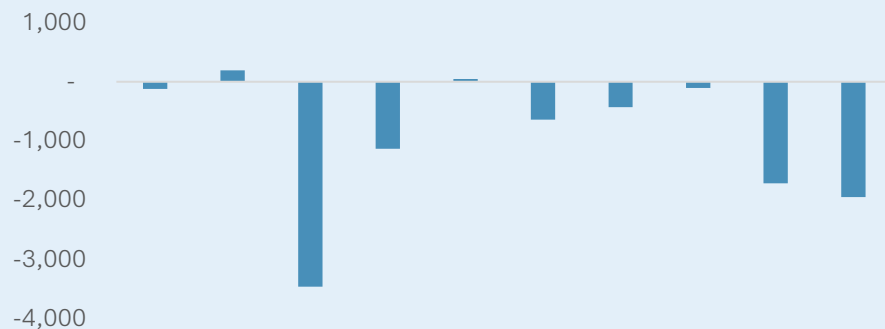
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
TCB	2.85%	SIP	3.61%	BSI	2.29%	MCM	1.09%	CTR	1.40%	PTB	0.81%	PPC	1.31%	GVR	2.30%
NAB	2.16%	DXS	3.11%	EVF	1.55%	VHC	0.65%	VCG	0.88%	HSG	0.64%	GAS	1.16%	DPR	1.48%
HDB	1.13%	DXG	2.76%	TVS	0.00%	ANV	0.62%	CTD	0.58%	HPG	0.36%	NT2	0.81%	VFG	0.91%
VIB	0.29%	TCH	2.34%	ORS	0.00%	ASM	0.36%	VGC	0.00%	DHC	0.14%	CHP	0.72%	PHR	0.00%
MSB	0.00%	DIG	1.78%	FTS	-0.19%	SBT	0.00%	HTI	-0.21%	NKG	-0.34%	GEG	0.69%	AAA	-0.28%
TPB	0.00%	NVL	1.30%	AGR	-0.34%	PAN	-0.16%	CII	-0.53%	ACG	-2.06%	POW	0.39%	DGC	-0.37%
OCB	0.00%	VPI	1.01%	VCI	-0.55%	BHN	-0.17%	BMP	-1.08%			VSH	0.23%	CSV	-0.75%
EIB	-0.22%	PDR	0.93%	DSE	-0.84%	HAG	-0.31%	HHV	-1.55%			REE	0.16%	DPM	-2.04%
SSB	-0.30%	KBC	0.00%	SSI	-0.89%	BAF	-0.68%	PC1	-6.85%			SHP	0.00%	DCM	-4.03%
SHB	-0.34%	HDC	0.00%	VIX	-1.48%	FMC	-0.77%					PGV	-0.21%		
ACB	-0.43%	KDH	0.00%	VDS	-2.05%	VNM	-0.97%					TDM	-0.35%		
LPB	-0.43%	CRE	0.00%			DBC	-1.08%					BWE	-0.69%		
VPB	-0.55%	BCM	-0.18%			MSN	-1.28%					PGD	-1.67%		
MBB	-0.76%	HDG	-0.19%			SAB	-2.49%					HNA	-2.05%		
STB	-0.76%	QCG	-0.36%			VCF	-3.19%					TMP	-4.05%		
CTG	-1.41%	KOS	-0.39%			KDC	-4.49%								
BID	-2.04%	IJC	-0.49%												
VCB	-3.50%	VRE	-0.86%												
		SZC	-1.07%												
		NLG	-1.07%												
		VIC	-1.12%												
		SJS	-4.38%												
		VHM	-5.23%												

3.

Giao dịch khối ngoại

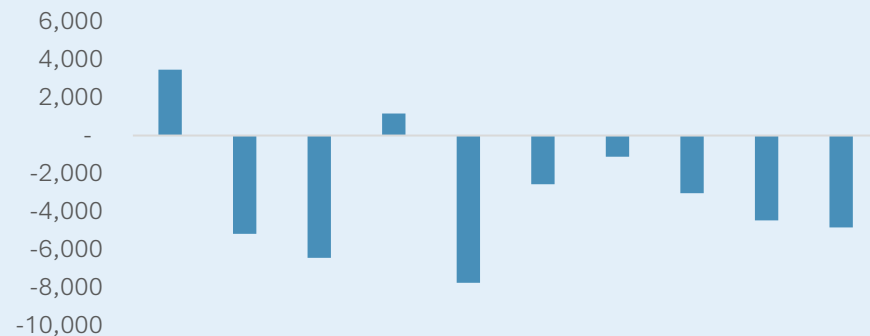
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	TCB	HOSE	35.85	1.91	33.94
2	VPI	HOSE	36.53	10.62	25.91
3	SSI	HOSE	33.02	13.05	19.97
4	VJC	HOSE	27.63	10.61	17.02
5	MBB	HOSE	45.38	28.71	16.67
6	VRE	HOSE	21.34	8.98	12.36
7	NVL	HOSE	91.32	79.63	11.69
8	PVS	HNX	12.70	2.20	10.49
9	HCM	HOSE	13.80	3.62	10.18
10	TCH	HOSE	13.73	4.46	9.27
11	VPL	HOSE	15.83	8.09	7.74
12	GAS	HOSE	16.63	9.41	7.22
13	VCG	HOSE	11.82	5.23	6.58
14	CTR	HOSE	9.86	3.47	6.38
15	ANV	HOSE	6.89	0.69	6.20

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	FPT	HOSE	14.88	431.38	- 416.49
2	ACB	HOSE	39.30	317.82	- 278.52
3	VCB	HOSE	110.26	350.47	- 240.22
4	VHM	HOSE	81.59	213.92	- 132.33
5	MSB	HOSE	0.41	104.83	- 104.41
6	VNM	HOSE	38.88	138.32	- 99.44
7	MWG	HOSE	36.27	119.96	- 83.69
8	HDB	HOSE	11.82	78.60	- 66.78
9	MSN	HOSE	104.19	163.71	- 59.51
10	CTG	HOSE	2.89	50.01	- 47.12
11	PNJ	HOSE	0.00	46.62	- 46.62
12	DGC	HOSE	1.42	42.85	- 41.43
13	VIC	HOSE	202.14	243.42	- 41.28
14	BSR	HOSE	24.00	65.04	- 41.05
15	HPG	HOSE	86.47	125.32	- 38.84

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	105.07	3.10%	5.71%	72.67%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	96.81	4.14%	2.24%	68.60%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,695.56	-0.91%	-1.94%	8.55%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,113	0.03%	0.04%	-0.03%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,368	0.03%	0.04%	-0.03%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,700	0.38%	0.15%	-0.45%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	4.50%	-1.29%	0.62%	2.73%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.51%	0.01%	0.06%	0.44%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.58%	0.00%	0.04%	0.40%

Giá dầu thế giới vượt 106 USD/thùng, TTCK Mỹ (S&P500) giảm 0.41%

Khép phiên ngày 23/04, dầu Brent tăng khoảng 3% lên 105.07 USD/thùng, trong khi dầu WTI của Mỹ tăng khoảng 3% lên 95.85 USD/thùng. Giá dầu thế giới tiếp tục tăng do lo ngại về sự leo thang quân sự mới ở Trung Đông.

Trong khi đó, Vàng thế giới giảm về gần 4,700 USD do đồng USD mạnh lên và giá dầu tăng. Cụ thể, Giá vàng giao ngay giảm 0.6% xuống 4,706.49 USD/oz. Hợp đồng vàng tương lai Mỹ giao tháng 6 cũng giảm 0.6% xuống 4,727 USD/oz.

5.

Bản tin doanh nghiệp



BIDV ghi nhận kết quả tích cực trong Q1/2026, kế hoạch tăng vốn gần 100.000 tỷ

BIDV ghi nhận dư nợ tín dụng đạt 2,38 triệu tỷ đồng, +2,6% so với đầu năm và +15% so với cùng kỳ. Huy động vốn đạt 2,43 triệu tỷ đồng, gần như đi ngang so với đầu năm do điều kiện thị trường khó khăn, +11% so với cùng kỳ. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 1,5%.

BIDV cũng có kế hoạch tăng mạnh vốn điều lệ lên gần 100 nghìn tỷ. BIDV sẽ tăng vốn thêm tối đa 26.757 tỷ, trong đó phát hành thêm cổ phiếu cho nhà đầu tư bằng hình thức chào bán riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng tối đa 780 triệu cổ phiếu, tương ứng 10,7%. Thời gian thực hiện dự kiến năm 2026 - 2027.



HDB: Thông qua kế hoạch nâng vốn điều lệ lên gần 60.000 tỷ đồng, tăng 41% lợi nhuận trong năm 2026

Năm 2026, HDB đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận trước thuế 41% so với năm 2025, ước đạt 30.100 tỷ đồng. Đây là mức lợi nhuận kỷ lục của HDBank từ trước tới nay. Tăng trưởng tín dụng dự kiến tăng 37% so với năm trước, cao nhất trong hệ thống đưa tổng dư nợ lên hơn 804.000 tỷ đồng.

Kế hoạch tăng VDL: thêm tối đa 9.891 tỷ đồng lên 59.945 tỷ đồng từ phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành cổ phiếu riêng lẻ.



MSB: Quý I lãi 1.890 tỷ đồng, tham vọng lãi 8.000 tỷ

Kết thúc quý I/2026, lợi nhuận ngân hàng đạt 1.890 tỷ đồng, tăng khoảng 15,9% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2026, MSB đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 8.000 tỷ đồng, tăng 13% so với mức thực hiện năm 2025. Đây cũng là mức lợi nhuận cao nhất từ trước tới nay của ngân hàng.

Năm 2026, MSB dự kiến phát hành thêm tối đa 624 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ từ 31.200 tỷ đồng lên 37.440 tỷ đồng.

6.

Lịch sự kiện

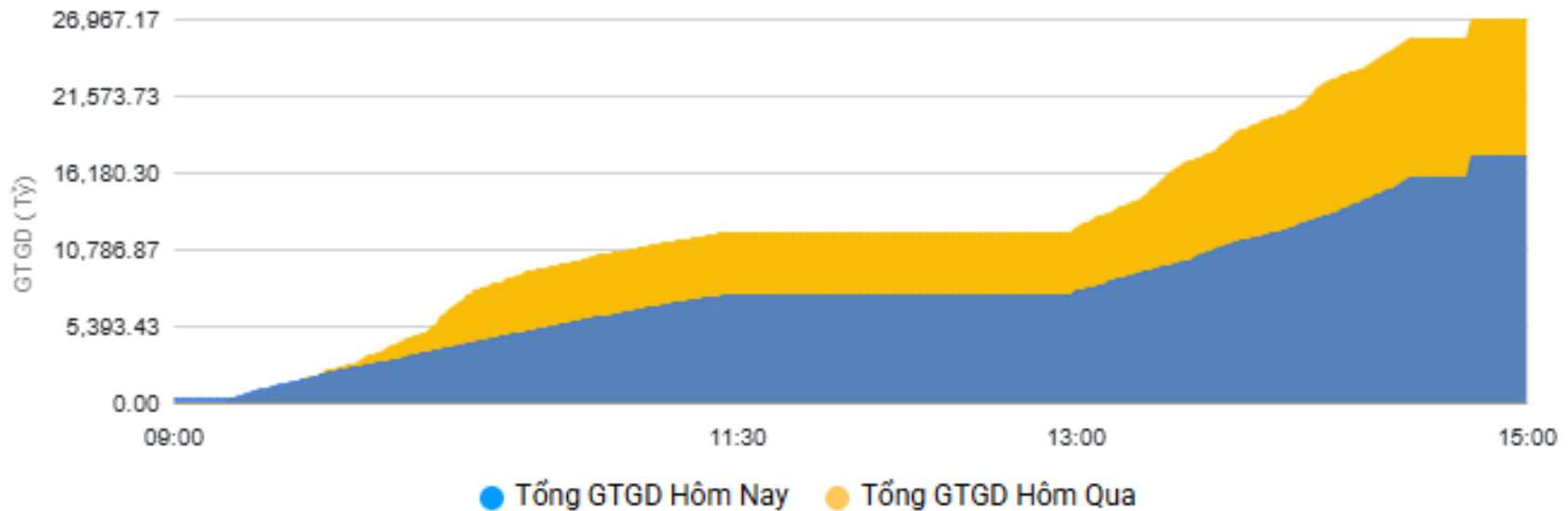
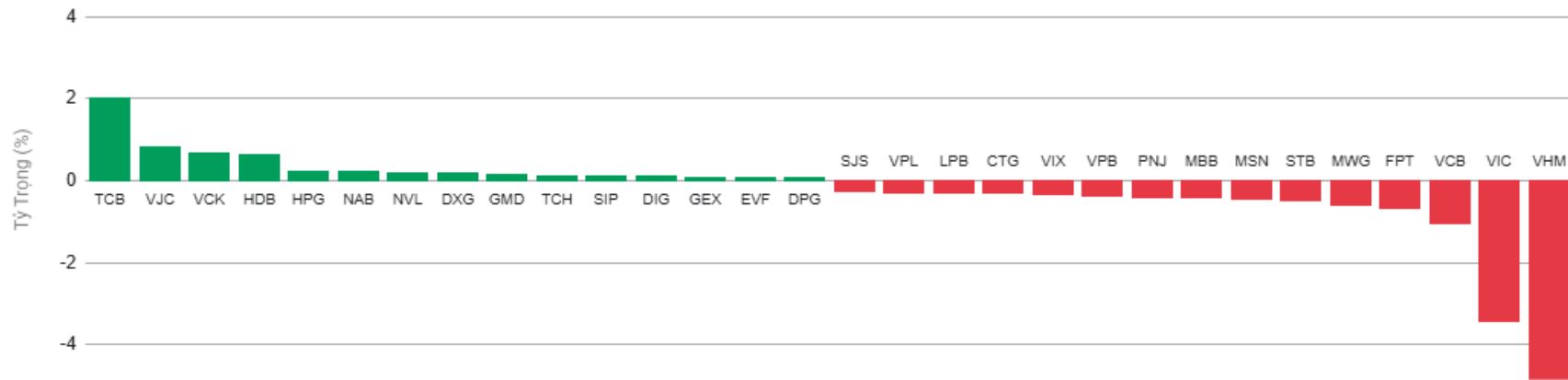
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
HMH	28/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
CCM	29/04/2026	23/07/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
RAL	29/04/2026	14/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
TJC	29/04/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	90.00%	9,000
EID	04/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	17.00%	1,700
TIP	04/05/2026	15/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2.00%	200
HSG	04/05/2026	04/05/2026	Phát hành cổ phiếu	30.00%	
PSC	04/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	7.00%	700
MDG	05/05/2026	05/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
PDB	05/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	40.00%	4,000
MTP	07/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
ANI	08/05/2026	26/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
PEQ	08/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
SFN	11/05/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
SSC	19/05/2026	19/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (24/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	27,250	24.8%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	16,300	44.1%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	34,250	8.0%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	26,200	16.0%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	23,400	22.9%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,900	19.7%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	35,000	14.9%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	60,600	18.8%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	40,750	17.1%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	64,900	-9.6%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	29,700	15.2%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	16,150	15,800	2.2%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	14,450	10.4%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	75,000	19.2%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	22,200	23.6%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	56,100	34.4%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (24/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	27,650	62.7%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	25,600	64.1%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	14,900	39.6%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,300	64.4%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	34,200	18.4%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	54,200	53.1%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	28,800	4.2%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	141,200	-38.2%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,700	29.4%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,200	14.8%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	23,150	28.5%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	22,900	3.5%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	87,200	0.5%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	144,500	17.6%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	83,500	28.7%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	31,400	29.0%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

